

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1708 /KSBT-SKMT&YTTH
V/v thông báo kết quả giám sát chất lượng
nước sạch tại NMN Tương Mai, tháng 6/2025

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ:.....

Giờ:..... Ngày: 27/6/25

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.

Thực hiện công văn số 1152/KSBT-SKMT&YTTH ngày 13/5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về việc giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đợt I năm 2025, ngày 12/6/2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đã giám sát vệ sinh, ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại Nhà máy nước Tương Mai thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội. Kết quả như sau:

1. Thông tin chung

Đơn vị báo cáo: Nhà máy nước Tương Mai (NMN) sử dụng nguồn nước nguyên liệu là nước ngầm. Công suất thiết kế: 30.000m³/ngày đêm, sản lượng thực tế: 7.000m³/ngày đêm, cấp cho 5.000 đồng hồ trên địa bàn quận Hoàng Mai (phố Nguyễn Đức Cảnh, một phần phố Trương Định, một phần phố Vọng và phố Nguyễn An Ninh).

2. Hồ sơ theo dõi, quản lý về chất lượng nước sạch và công tác nội kiểm chất lượng nước

2.1. Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch của hai nhà máy nước

- NMN thực hiện thử nghiệm chất lượng nước nguyên liệu định kỳ hàng năm đối với các giếng khai thác. Lần thử nghiệm gần nhất tháng 10/2024 thử nghiệm các thông số pH, NH_4^{+} , NO_2^{-} , NO_3^{-} , Chỉ số Pecmanganat, Clorua, Độ cứng, Mn^{2+} , Sắt, Asen, TDS, Colifoms, E.Coli.

- NMN có sổ theo dõi việc lưu mẫu nước.

- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước (Clo khí hoá lỏng, PAC) có sổ giao nhận và hồ sơ theo dõi sử dụng hóa chất.

- NMN có biên bản nghiệm thu thau rửa bể chứa nước thành phẩm, đơn vị báo cáo đã thực hiện thau rửa bể lần gần nhất ngày 25/11/2024.

2.2. Công tác nội kiểm chất lượng nước

Nội kiểm chất lượng nước sạch định kỳ: đơn vị nội kiểm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT. Cụ thể như sau:

- Thông số nhóm A: Nội kiểm đủ 8 thông số A hàng tháng, mỗi lần thử nghiệm 4 mẫu (1 mẫu tại NMN và 3 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối). Kết quả lần gần nhất ngày 13/5/2025, 4/4 mẫu đạt quy chuẩn.

- Thông số nhóm B:

+ Nội kiểm lần gần nhất ngày 19/11/2024, thử nghiệm 4 mẫu (1 mẫu tại NMN và 3 mẫu trên mang lưới đường ống phân phối) đủ 91 thông số, 4/4 mẫu đạt quy chuẩn.

+ Tháng 5/2025, NMN thử nghiệm 10/91 thông số nhóm B gồm Amoni, Nitrit, Nitrat, chỉ số Pecmanganat, Clorua, Độ cứng, Sắt, Mangan, Tụ cầu vàng, Trực khuẩn mủ xanh, chưa thử nghiệm 81 thông số còn lại (quá 6 tháng tính từ lần nội kiểm gần nhất).

2.3. Việc thực hiện thông tin, báo cáo chất lượng nước

NMN đã thực hiện công khai thông tin về chất lượng nước trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, thực hiện báo cáo kết quả nội kiểm theo quy định.

3. Kết quả giám sát vệ sinh chung

- Khu vực ngoại cảnh và khu vực xử lý nước đảm bảo vệ sinh; bể chứa nước thành phẩm có nắp kín, khoá nắp bể.
- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước có đủ nhãn trên bao bì.

4. Ngoại kiểm chất lượng nước (Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm)

- Số lượng mẫu: Lấy 3 mẫu nước thành phẩm, bao gồm 1 mẫu tại vòi sau bơm từ bể chứa nước thành phẩm của NMN ra mạng lưới đường ống phân phối; 2 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho 2 hộ gia đình thuộc phường Tương Mai, Hoàng Mai (hộ thuộc ngõ 313 Trương Định; hộ số 9.Q2^A, ngõ 106 Nguyễn An Ninh).

- Thông số thử nghiệm: 18 thông số thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT (Màu sắc, Mùi vị, Độ đục, pH, Amoni, chỉ số Pecmanganat, Chloride, Độ cứng, Sắt, Mangan, Sunphat, Nitrit, Nitrat, Clor dư tự do, Coliforms, Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus).

- Kết quả thử nghiệm: 3/3 mẫu đạt quy chuẩn.

5. Đề nghị

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội chỉ đạo Nhà máy nước Tương Mai và các đơn vị thành viên liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo chất lượng nước cung cấp đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hiện hành.

- Nội kiểm chất lượng nước sạch đủ thông số, số mẫu, tần suất; thực hiện chế độ công khai thông tin, báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch và các nội dung khác theo quy định tại Văn bản hợp nhất Thông tư số 05/VBHN-BYT ngày 06/6/2022 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực đến ngày 30/6/2025, Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực từ ngày 01/7/2025./.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội - 70 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7730.176. Email: gsnuochanoi@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên (để th/hiện);
 - Sở Y tế HN
 - Sở Xây dựng HN
 - Sở NN&MT HN
 - Thanh tra - Sở Y tế
 - GD TTKSBT TPHN
 - Lưu: VT, SKMT-YTTH.
- (để
b/cáo);
Huyện

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kiều Anh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.12.74 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample Mẫu nước tại vòi sau bơm từ bể chứa nước thành phẩm ra mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Tương Mai, số 227 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample 12/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates 12/06 - 16/06/2025
of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9,2	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	102	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	12,6	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,7	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,9	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 16 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoa_xet_nghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 505

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No.: 25.06.12.74 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample Mẫu nước tại vòi sau bơm từ bể chứa nước thành phẩm ra mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Tương Mai, số 227 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample 12/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities 12/06/2025 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

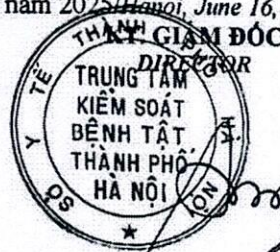
8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.12.72 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Tương Mai, tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Thị Hợp, ngõ 313 Trương Định, phường Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng Name/Address of customer 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample 12/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities 12/06 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,6	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,0	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	12,8	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	96	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	13,7	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,7	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,7	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 16 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control and Prevention.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.12.72 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Tương Mai, tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Thị Hợp, ngõ 313 Trương Định, phường Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample 12/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities 12/06/2025 - 16/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:

Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

Signature

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.12.73 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước Tương Mai, tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Chu Mạnh Hiền, số 9.Q2^A, ngõ 106 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

Name/Address of customer

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

12/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

performing/sending sample(s)

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/ The dates

12/06 - 16/06/2025

of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm/ Test results

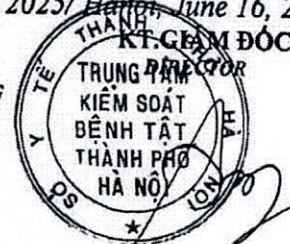
TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	12,8	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	102	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	11,9	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,8	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,7	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

Hà Nội, 16 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 25.06.12.73 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước
Tương Mai, tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho hộ Chu Mạnh Hiền, số 9 Q2^A,
ngõ 106 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu:
Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample

12/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities

12/06/2025 - 16/06/2025

7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 16, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.